

Tóm Lược của Ban Quản Trị về Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Nhà Trường, 2010-2011

Dành cho **Millard McCollam Elementary**

| | | | |
|---------------------|--|-----------------------|----------------|
| Địa Chỉ: | 3311 Lucian Ave., San Jose, CA, 95127-1544 | Số Điện Thoại: | (408) 928-8000 |
| Hiệu Trưởng: | Pablo Fiene, Principal | Cấp Lớp: | K-5 |

Mục đích của bản tóm lược của ban quản trị về Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC) này là cung cấp cho các bậc phụ huynh và cư dân cộng đồng thông tin tổng quan liên quan tới từng trường công lập. Hầu hết các dữ liệu trong bản này được báo cáo cho năm học 2010-11. Dữ liệu về tình hình tài chính và tình trạng hoàn tất chương trình học của nhà trường được báo cáo cho năm học 2009-10. Chi tiết liên lạc, phương tiện cơ sở, học trình và tài liệu giảng huấn, và dữ liệu giáo viên chọn lọc được báo cáo cho năm học 2011-12. Để biết thêm chi tiết về trường này, các bậc phụ huynh và cư dân cộng đồng nên xem toàn bộ bản SARC hoặc liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng khu học chánh trường.

Về Trường này

Tôi được vinh dự phục vụ cộng đồng McCollam. Tôi cam kết sẽ đảm bảo là trường McCollam vẫn tiếp tục đẩy mạnh Trường tiểu học McCollam có một đội ngũ nhân viên xuất sắc từng học sinh một nền giáo dục có chất lượng. Nhân viên của chúng tôi quan tâm đến học sinh

Tôi rất hãnh diện về học sinh trường McCollam và thành tựu học tập mà các em đã đạt được đến nay. Nhân viên của

Học Sinh Ghi Danh

| Nhóm | Ghi Danh |
|---|----------|
| Số học sinh | 490 |
| Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi Châu | 1.8% |
| Thổ Dân Châu Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska | 0.2% |
| Người Á Châu | 31.2% |
| Người Phi Luật Tân | 7.3% |

| | |
|--|--------------|
| Người Gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh | 53.7% |
| Thổ Dân Hawaiian hoặc Người Đảo Thái Bình Dương | 0.4% |
| Người Da Trắng | 4.7% |
| Hai Sắc Tộc hoặc Hơn | 0.6% |
| Khó Khăn về Kinh Tế Xã Hội | 99.2% |
| Những Người Học Tiếng Anh | 62.0% |
| Học Sinh Khuyết Tật | 9.8% |

Giáo Viên

| Chỉ Tiêu | Các Giáo Viên |
|---|----------------------|
| Các giáo viên có đầy đủ bằng cấp chứng nhận | 24 |
| Các giáo viên không có đầy đủ bằng cấp chứng nhận | 0 |
| Các Giáo Viên Giảng Dạy Ngoài Bộ Môn Chuyên Ngành | N/A |
| Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Anh Ngữ Trái Phép | 0 |
| Tổng Số các Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép | 0 |

Kết Quả Học Tập của Học Sinh

| Môn Học | Học Sinh Đạt Trình Độ Khá Trở Lên về Kết Quả Chương Trình STAR* |
|--------------------------------|--|
| Anh Ngữ-Văn Khoa | 65% |
| Toán | 76% |
| Khoa Học | 66% |
| Lịch Sử-Khoa Học Xã Hội | 0% |

* Các phần thẩm định của Chương Trình Báo Cáo và Khảo Thí Tiêu Chuẩn dùng cho các mục đích giải trình bao gồm các Kỳ Thi Tiêu Chuẩn của Tiểu Bang California (California Standards Tests), Thẩm Định Được Tu Chính của Tiểu Bang California (California Modified Assessment), và Thẩm Định Đánh Giá Kết Quả Thay Thế Khác của Tiểu Bang California (California Alternate Performance Assessment)

Tiến Bộ Học Tập*

| Yếu Tố Chỉ Báo | Kết Quả |
|---|--------------------|
| Điểm Gia Tăng API Năm 2011 (từ Bản Báo Cáo về Gia Tăng API Năm 2011) | 867 |
| Xếp Hạng Trên Toàn Tiểu Bang (từ Bản Báo Cáo Dựa Trên API Năm 2010) | 8 |
| Đạt Tất Cả Các Yêu Cầu AYP Năm 2011 | không |
| Số Tiêu Chuẩn AYP Đạt Được trên Tổng Số Tiêu Chuẩn Tối Đa Có Thể Đạt Được | Đạt 19 trong số 21 |
| Diện Cải Tiến Chương Trình 2011–12 (Năm PI) | |

* Chỉ Số Kết Quả Học Tập là bắt buộc theo luật tiểu bang. Tiến Bộ Hàng Năm Đạt Yêu Cầu là bắt buộc theo luật liên bang.

Cơ Sở Vật Chất của Nhà Trường

Học khu luôn nỗ lực trong việc bảo đảm cho tất cả trường học được sạch sẽ, an toàn và hoạt động tốt. Để hỗ trợ nỗ

Các cơ sở trường học được nâng cấp đúng theo đòi hỏi của Đạo luật Xây dựng Trường công (Field Act) của Bộ luật

Các cơ sở nhà trường được nâng cấp bất kỳ khi nào có thể để hỗ trợ và duy trì một khuôn viên học đường an toàn,

Tài Liệu Giảng Dạy và Chương Trình Học

| Các Phần Chính Trong Chương Trình Học | Những Học Sinh Không Có Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy |
|---------------------------------------|--|
| Tập Đọc/Văn Khoa | 0% |
| Toán | 0% |
| Khoa Học | 0% |
| Lịch Sử-Khoa Học Xã Hội | 0% |
| Ngoại Ngữ | 0% |

| | |
|---|----|
| Giáo Dục Sức Khỏe | 0% |
| Nghệ Thuật Hình Ảnh và Trình Diễn | 0% |
| Dụng Cụ tại Phòng Thí Nghiệm Khoa Học (lớp 9 tới 12) | 0% |

Tình Hình Tài Chính của Nhà Trường

| Cấp Độ | Chi Phí cho Mỗi Học Sinh (Chỉ Các Nguồn Không Bị Hạn Chế) |
|------------------------|--|
| Địa Điểm Trường | N/A |
| Khu Học Chánh | N/A |
| Tiểu Bang | \$5,455 |

Chuẩn Bị Sau Trung Học

| Chỉ tiêu Đánh Giá | Phần Trăm |
|---|------------------|
| Những Học Sinh Đã Hoàn Tất Chương Trình Kỹ Thuật Chuyên Nghiệp và Đã Có Bằng Tốt Nghiệp Trung Học | N/A |
| Những Học Sinh Tốt Nghiệp Đã Hoàn Thành Tất Cả Các Khóa Học Yêu Cầu để Nhập Học Vào Trường University of California hoặc California State University | 0.0% |

Thẻ Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học

Báo Cáo Dựa Trên Dữ Liệu từ Năm Học 2010–11

Công Bố trong Năm Học 2011–12

Theo luật, Thẻ Báo Cáo Trách Nhiệm của Trường Học (School Accountability Report Card - SARC), phải được mỗi trường tại California công bố trước ngày 1 tháng Hai hàng năm. Tài liệu SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California.

- Muốn tìm hiểu thêm chi tiết về các quy định SARC, xem Trang Mạng Điện Toán của SARC thuộc California Department of Education (CDE) tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm chi tiết về trường, các bậc phụ huynh và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng khu học chánh của trường.

I. Dữ Liệu và Tiếp Cận

Trang Mạng Điện Toán Hợp Tác Ed-Data

Ed-Data là chương trình hợp tác của CDE, EdSource, và Toán Hỗ Trợ và Quản Lý Khủng Hoảng Tài Chính (Fiscal Crisis Management and Assistance Team - FCMAT) để cung cấp thông tin sâu rộng về tài chính, nhân khẩu, và hiệu suất về các trường và khu học chánh tại California từ mẫu giáo đến lớp mười hai.

DataQuest

DataQuest là một khí cụ trên mạng có trên trang mạng của CDE DataQuest tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/> trong đó có các thông tin khác về trường này và các so sánh về nhà trường cho khu học chánh, quận, và tiểu bang. Cụ thể là, *DataQuest* là hệ thống cung cấp báo cáo để giải trình (ví dụ như Chỉ Số Kết Quả Học Tập của tiểu bang [API], Tiến Bộ Hàng Năm Đạt Yêu Cầu của liên bang [AYP]), dữ liệu khảo thí, sĩ số học sinh, số học sinh tốt nghiệp trung học, số học sinh bỏ học giữa chừng, sĩ số học sinh theo khóa học, số nhân viên, và dữ liệu liên quan tới các học viên tiếng Anh.

Tiếp Cận Internet

Hiện có cho tiếp cận Internet tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác có thể tiếp cận công cộng được (thí dụ, Thư Viện Tiểu Bang California). Tiếp cận Internet tại các thư viện và địa điểm công cộng thường được cung cấp trên căn bản ai đến trước thì được trước. Các hạn chế sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, độ dài thời gian có thể sử dụng máy (tùy thuộc vào tình trạng có sẵn), các dạng chương trình phần mềm có sẵn trên máy, và khả năng in ra tài liệu.

II. Về Trường Đây

Địa Chỉ Liên Lạc (Niên Khóa 2011-12)

| Trường | | Khu Học Chánh | |
|------------------------------|--|---------------------|--|
| Tên Trường | Millard McCollam Elementary | Tên Khu Học Chánh | Alum Rock Union Elementary |
| Đường Phố | 3311 Lucian Ave. | Số Điện Thoại | (408) 928-6800 |
| Thành Phố, Tiểu Bang, Số Zip | San Jose, CA, 95127-1544 | Trang Web | www.arusd.org |
| Số Điện Thoại | (408) 928-8000 | Giám Đốc Học Khu | Jose Manzo |
| Hiệu Trưởng | Pablo Fiene, Principal | Địa Chỉ Thư Điện Tử | jose.manzo@arusd.org |
| Địa Chỉ Thư Điện Tử | pablo.fiene@arusd.org | Mã Số CDS | 43693696046254 |

Phần Mô Tả Trường và Tuyên Bỏ về Nhiệm Vụ của Trường (Niên Khóa 2010-11)

Tôi được vinh dự phục vụ cộng đồng McCollam. Tôi cam kết sẽ đảm bảo là trường McCollam vẫn tiếp tục đẩy mạnh

kinh nghiệm học đường xuất sắc cho tất cả học sinh. Trường tiểu học McCollam có một đội ngũ nhân viên xuất sắc sẵn sàng cung cấp cho từng học sinh một nền giáo dục có chất lượng. Nhân viên của chúng tôi quan tâm đến học sinh và các nhu cầu học tập và giao tiếp cá nhân của mỗi em.

Tôi rất hãnh diện về học sinh trường McCollam và thành tựu học tập mà các em đã đạt được đến nay. Nhân viên của chúng tôi sẽ tiếp tục làm gương và hướng dẫn học sinh đạt được thành quả học tập tốt hơn nữa. Chúng tôi bảo đảm rằng cách rèn luyện, chiến lược và các phương pháp tiếp cận tốt nhất sẽ được sử dụng nhằm tạo nên một môi trường học tập tối ưu cho mỗi học sinh. Qua cách làm việc theo tinh thần nhóm và sự dẫn thân vào công cuộc cải tiến không ngừng, học sinh sẽ thấy rằng kinh nghiệm học tập ở trường McCollam là bổ ích, đầy thử thách và lý thú.

Các Cơ Hội để Phụ Huynh Tham Gia (Niên Khóa 2010-11)

Trường McCollam trân trọng và khuyến khích tất cả người hưởng lợi tham gia vào mọi khía cạnh của tiến trình học vấn của con em mình. Để khuyến khích phụ huynh tham gia, trường McCollam duy trì một hệ thống thông tin mở hai chiều và sử dụng một số phương pháp nhằm gia tăng thông tin với người hưởng lợi. Không những Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Nhà trường được đăng tải trên trang mạng của học khu, mà các thông tin quan trọng về nhà trường, kể cả kết quả quy trình đánh giá nhà trường, dữ liệu nhà trường và các chương trình nhà trường, cũng được đăng trên mạng. Vì sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng là điều cần thiết cho sự thành đạt của các em học sinh, trường McCollam cung cấp một số cơ hội để phụ huynh và cộng đồng tham gia tích cực.

Trường McCollam có một hội Phụ huynh và Giáo viên (Parent Teacher Association, hay PTA) hùng mạnh. Hội PTA gây quỹ để đài thọ các chuyến dã ngoại, bữa ăn ngoài trời, băng ghế và vật liệu. Hội cũng sắm sửa các giải thưởng cuối năm phát ở các buổi tập họp. Các buổi tập họp này vinh danh học sinh đạt điểm hoàn hảo trong bốn học kỳ và đạt giải Năm lấy Giải Vàng (Go for the Gold), Bảng Danh dự (Honor Roll), Bảng Đặc biệt (Distinction), nam và nữ học sinh trong năm, vận động viên giỏi nhất và giải học tập của hiệu trưởng. Phụ huynh cũng tham gia Hội đồng Quản trị Nhà trường và các Ủy ban Tiếp thụ Anh ngữ. Phụ huynh được hoan nghênh và khuyến khích làm tình nguyện viên trong lớp học và thư viện.

Để biết thêm thông tin, xin vui lòng liên lạc Ông hiệu trưởng Pablo Fiene, theo số điện thoại 408-928-8000.

Sĩ Số Học Sinh Ghi Danh Tham Gia Tính Theo Cấp Lớp (Niên Khóa 2010-11)

| Cấp Lớp | Số Học Sinh | Cấp Lớp | Số Học Sinh |
|----------|-------------|--|-------------|
| Mẫu Giáo | 80 | Lớp 8 | 0 |
| Lớp 1 | 81 | Tiểu Học Không Phân Lớp | 0 |
| Lớp 2 | 70 | Lớp 9 | 0 |
| Lớp 3 | 91 | Lớp 10 | 0 |
| Lớp 4 | 71 | Lớp 11 | 0 |
| Lớp 5 | 97 | Lớp 12 | 0 |
| Lớp 6 | 0 | Trung Học Cơ Sở Không Phân Lớp | 0 |
| Lớp 7 | 0 | Toàn Bộ Sĩ Số Học Sinh Ghi Danh Tham Gia | 490 |

Học Sinh Ghi Danh Tham Gia theo Tiểu Nhóm (Niên Khóa 2010-11)

* Số lớp học cho biết có bao nhiêu lớp học trong mỗi hạng mục sĩ số (mức giới hạn về tổng số học sinh trong mỗi một lớp học).

III. Bầu Không Khí Nhà Trường

Kế Hoạch An Toàn Trường Học (Niên Khóa 2010-11)

Trường tiểu học McCollam có một chương trình an toàn nhà trường rất chi tiết và toàn diện. Chương trình này vạch ra các thủ tục, hệ thống và biện pháp ứng phó trong bất kỳ/mọi tình huống khẩn cấp nào. Chương trình cũng đề ra các mục tiêu an toàn trong năm như đã được các học sinh, nhân viên nhà trường và phụ huynh xác định. Chương trình An toàn được Ủy ban An toàn McCollam khai triển trước khi được trình lên Ban Quản trị Học khu Thống nhất Alum Rock chuẩn y hàng năm. Kế hoạch được cập nhật và được phê duyệt trong tháng tư 2011. Chương trình An toàn và các quy trình tập luyện liên quan được xét duyệt quanh năm với tất cả nhân viên. Các báo động về an toàn được chia sẻ với tất cả nhân viên khi cần thiết trong suốt niên học. Ngoài ra, mọi cuộc tập luyện bắt buộc đều được lên lịch và thi hành đầy đủ, và kết quả được phổ biến chia sẻ với nhân viên. Chương trình An toàn Nhà trường McCollam có một chính sách hành vi toàn diện, liên tục và thi hành được, cùng với bộ quy tắc và điều lệ, chính sách quy định về trang phục, bộ thủ tục tập luyện an toàn/khẩn cấp, chính sách đến lớp trễ, chính sách đến lớp chuyên cần, chính sách học sinh được giới thiệu, chính sách không phân biệt về quyền và trách nhiệm của học sinh, chính sách an ninh nhà trường, chính sách về quấy rối, chính sách quản lý xung đột, chính sách an toàn mạng Internet, và chính sách can thiệp.

Tất cả khách đến thăm trường đều phải đăng ký với văn phòng nhà trường. Các cuộc tập luyện phòng cháy và các biện pháp phòng thảm họa được vạch ra cụ thể, cập nhật và đưa ra tập luyện thường xuyên. Các chương trình an toàn bao gồm chương trình nhận thức về thuốc gây nghiện, an toàn cá nhân và phát triển cá nhân. Để bảo đảm một môi trường an toàn, học khu tăng thêm số giám thị sân trường, và tất cả các giám thị sân trường và nhân viên nhà trường duy trì một không khí ân cần nhưng có kiểm soát trong khuôn viên nhà trường. Khuôn viên và sân chơi nhà trường là nơi an toàn vì có các nhân viên giám sát kỹ lưỡng trước, trong và sau giờ học.

Học sinh và nhân viên đã thiết lập các biện pháp ứng phó trong trường hợp khẩn cấp (ví dụ động đất, mối đe dọa vì bom đạn v.v.)

Trong trường hợp khẩn cấp như động đất, hỏa hoạn, v.v., hiệu trưởng sẽ đánh chuông báo động. Khi ấy, mọi người trong trường phải sẵn sàng thụt người xuống và núp dưới bàn và/hoặc sơ tán khỏi tòa nhà. Nhân viên và học sinh không được trở lại phòng học cho đến khi người quản lý và/hoặc người được chỉ định đánh chuông báo mọi việc đã ổn.

Nhà trường sẽ tuyên bố Báo động Đỏ hoặc Giờ Dần khi trường phải đóng cửa ngoài dự kiến vì một trường hợp vô cùng khẩn cấp đang diễn ra tại khuôn viên trường. Tất cả học sinh và giáo viên sẽ khóa chặt phòng mà họ đang ở và chặn ngang cửa lại cho đến khi người quản lý/người được chỉ định báo tính hiệu mọi việc đã ổn. Giáo viên cũng biết một số tính hiệu riêng mà họ có thể sử dụng để báo là họ đang cần sự trợ giúp hoặc là mọi người đều an toàn.

Tất cả nhân viên đều đã đọc các Điều luật về An toàn áp dụng cho Học khu Thống nhất Alum Rock và đã ký tên xác định là họ đã đọc và hiểu các điều luật này. Các bản báo cáo ký hợp hằng tháng về an toàn của các quản lý viên được dán trong phòng nhân viên. Hiệu trưởng thường xuyên thông báo cho nhân viên biết về bất kỳ vấn đề hoặc quan tâm về an toàn nào.

Đình Chi Học Tập và Đuổi Học

| Tỷ Lệ* | Trường 2008-09 | Trường 2009-10 | Trường 2010-11 | Khu Học Chánh 2008-09 | Khu Học Chánh 2009-10 | Khu Học Chánh 2010-11 |
|-------------------------|----------------|----------------|----------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Đình Chi Học Tập | 1 | 1 | 4 | 2 | 3 | 5 |
| Đuổi Học | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

* Tỷ lệ bị đình chỉ học tập và đuổi học được tính bằng cách chia tổng số trường hợp cho tổng số học sinh ghi danh tham gia.

IV. Cơ Sở Vật Chất Nhà Trường

Tình Trạng và Biện Pháp Cải Tiến Cơ Sở Vật Chất Nhà Trường (Niên Khóa 2011-12)

Học khu luôn nỗ lực trong việc bảo đảm cho tất cả trường học được sạch sẽ, an toàn và hoạt động tốt. Để hỗ trợ nỗ lực này, học khu sử dụng bảng khảo sát thăm dò về tình trạng cơ sở được Văn phòng Công trình Xây dựng Trường Công của Bang California triển khai. Quý vị có thể đọc kết quả cuộc thăm dò này tại văn phòng nhà trường và văn phòng học khu.

Các cơ sở trường học được nâng cấp đúng theo đòi hỏi của Đạo luật Xây dựng Trường công (Field Act) của Bộ luật Công trình Xây dựng cấp Tiểu bang (State Building Code) với trọng tâm là an toàn chống động đất. Trong trường hợp các vật liệu xây dựng được tìm thấy có chứa asbet (asbestos) và chỉ thì các vật liệu này sẽ bị loại bỏ đúng theo đòi hỏi của địa phương, tiểu bang và Cơ quan Bảo vệ Môi trường (Environmental Protection Agency, hay EPA). Quý bảo trì được bảo lưu đã được sử dụng vào việc bảo trì và nâng cấp thích đáng các cơ sở học khu. Các sửa chữa cần thiết và dự án bảo trì đã được hoàn thành đúng thời hạn.

Các cơ sở nhà trường được nâng cấp bất kỳ khi nào có thể để hỗ trợ và duy trì một khuôn viên học đường an toàn, sạch sẽ và có an ninh. Không gian dành cho lớp học, văn phòng, thư viện, sân chơi, nhân viên và cơ sở dành cho nhà vệ sinh được cung cấp đầy đủ để đáp ứng nhu cầu của người hưởng lợi và chương trình giảng dạy. Nhân viên Bảo trì Cơ sở và Mặt bằng Học khu Alum Rock, cùng với đơn vị chùi dọn ngày và đêm, làm việc tích cực để bảo đảm cho các cơ sở và mặt bằng nhà trường được an toàn, sạch sẽ và bảo trì tốt. Thời khóa biểu chùi dọn hằng ngày được thi hành nghiêm túc nhằm bảo đảm cho các phòng học, phòng vệ sinh, nhà bếp, khu vực ăn uống, văn phòng và sân trường được giữ sạch sẽ để học sinh và nhân viên sử dụng. Các đội bảo trì cơ sở và mặt bằng của học khu thường xuyên giám sát để bảo đảm rằng các bãi cỏ và cảnh quang được bảo trì tốt và các cơ sở, khu đất và sân chơi nhà trường được an toàn để sử dụng.

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất Hoạt Động Tốt (Niên Khóa 2011-12)

| Kiểm Tra Hệ Thống | Tình Trạng Sửa Chữa | | | | Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Biện Pháp Thực Hiện Đã và Sẽ Được Áp Dụng |
|--|---------------------|-----|------|-----|---|
| | Gương Mẫu | Tốt | Được | Tồi | |
| Hệ Thống: Rò Rỉ Ga, Cơ Khí/HVAC, Cống | | X | | | |
| Bên trong: Các Bề Mặt Bên Trong | | X | | | |
| Sự Sạch Sẽ: Sự Sạch Sẽ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/Sâu Mọt | | X | | | |
| Điện: Điện | | X | | | |
| Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy: Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/Vòi Nước Máy | | X | | | |
| Sự an Toàn: An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm | | X | | | |
| Cấu Trúc: Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà | | X | | | |
| Bên Ngoài: Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cống/Hàng Rào | | X | | | |
| Xếp Hạng Tổng Quát | | X | | | |

Ghi chú: Các ô màu đen không cần dữ liệu.

V. Giáo Viên

Chứng Nhận Trình Độ Giáo Viên

| Giáo viên | Trường 2008-09 | Trường 2009-10 | Trường 2010-11 | Khu Học Chánh 2010-11 |
|--|----------------|----------------|----------------|-----------------------|
| Có Chứng Nhận Trình Độ Đầy Đủ | 27 | 21 | 24 | 605 |
| Không Có Chứng Nhận Trình Độ Đầy Đủ | 3 | 4 | 0 | 45 |
| Giảng Dạy Ngoài Phạm Vi Chuyên Môn (có chứng nhận trình độ đầy đủ) | n/a | N/A | n/a | n/a |

Các Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép và Các Vị Trí Giáo Viên Còn Trống

| Yếu Tố Chỉ Báo | 2009-10 | 2010-11 | 2011-12 |
|--|---------|---------|---------|
| Các Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Anh Ngữ Trái Phép | 0 | 0 | 0 |
| Tổng số Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép | 0 | 0 | 0 |
| Số Vị Trí Giáo Viên Còn Trống | 0 | 0 | 0 |

Ghi chú: "Phân công trái phép" nói đến số vị trí được điền khuyết bởi giáo viên thiếu thẩm quyền hợp pháp để dạy cấp lớp, môn học, nhóm học sinh đó, v.v.

* Tổng Số Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép bao gồm cả số Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Anh Ngữ Trái Phép.

Các Lớp Học Chính do Giáo Viên Giỏi Giảng Dạy(Niên Khóa 2010-11)

Đạo Luật Giáo Dục Tiểu Học và Trung Học Liên Bang (Elementary and Secondary Education Act - ESEA), còn gọi là luật Không Bỏ Rơi Trẻ Em Nào (Không Child Left Behind - NCLB), đòi hỏi các môn học chính phải do các Giáo Viên Giỏi giảng dạy, được định nghĩa là có ít nhất một văn bằng cử nhân, có chứng nhận trình độ thích hợp tại California, và chứng minh có đủ kiến thức về môn học chính. Muốn biết thêm chi tiết, xem trang Web về Cải Tiến Chất Lượng dành cho Hiệu Trưởng và Giáo Viên của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/nclb/sr/tq/>.

| Địa Điểm Các Lớp Học | Số Phần Trăm Lớp Học về Các Môn Học Chính Do Các Giáo Viên Giỏi Giảng Dạy | Số Phần Trăm Lớp Học về Các Môn Học Chính Không Do Các Giáo Viên Giỏi Giảng Dạy |
|----------------------|---|---|
|----------------------|---|---|

| | | |
|--|---------|-------|
| Trường này | 100.00% | 0.00% |
| Tất Cả Các Trường trong Khu Học Chánh | 99.81% | 0.19% |
| Các Trường Có Tỷ Lệ Học Sinh Nghèo Cao trong Khu Học Chánh | 99.81% | 0.19% |
| Các Trường Có Tỷ Lệ Học Sinh Nghèo Thấp trong Khu Học Chánh | 0.00% | 0.00% |

* Các trường có tỷ lệ học sinh nghèo cao được định nghĩa là những trường có tỷ lệ học sinh hội đủ điều kiện tham gia chương trình các bữa ăn giảm giá và miễn phí là khoảng 40 phần trăm hoặc hơn. Các trường có tỷ lệ học sinh nghèo thấp là những trường có tỷ lệ học sinh hội đủ điều kiện tham gia chương trình các bữa ăn giảm giá và miễn phí là khoảng 25% hoặc ít hơn.

VI. Nhân Viên Trợ Giúp

Các Cố Vấn Viên Học Tập và Các Nhân Viên Trợ Giúp Khác (Niên Khóa 2010-11)

| Chức Vụ | Số FTE Được Phân về Trường | Số Học Sinh Trung Bình Trên mỗi Cố Vấn Viên Học Tập |
|--|-----------------------------------|--|
| Cố Vấn Viên Học Tập | 0.0 | N/A |
| Chuyên Gia Cố Vấn (Phát Triển Nghề Nghiệp hoặc Giao Tiếp/Hành Vi) | 0.0 | |
| Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Nhân Viên Thư Viện) | 0.25 | |
| Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (bán nghiệp dư) | 0.33 | |
| Tâm Lý Gia | 0.0 | |
| Nhân Viên Xã Hội | 0.0 | |
| Y Tá | 0.0 | |
| Chuyên Gia về Phát Ngôn/Ngôn Ngữ/Thính Giác | 0.5 | |
| Chuyên Gia Nguồn Trợ Giúp (không giảng dạy) | 0.5 | |
| Nhân Viên Khác | N/A | |

Ghi chú: Các ô màu đen không cần dữ liệu.

* Một đơn vị Tương Đương Toàn Thời Gian (Full Time Equivalent - FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

VII. Chương Trình Học và Các Tài Liệu Giảng Dạy

Phẩm Chất, Tình Trạng Hiện Tại, và Tình Trạng Có Sẵn Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy (Niên Khóa 2011-12)

Phần này mô tả các cuốn sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy này có phải là tài liệu được phê chuẩn gần đây nhất hay không; có đủ sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy cho mỗi học sinh hay không; và thông tin về việc trường sử dụng các giáo trình trợ giúp giảng dạy hoặc các cuốn sách giáo khoa hoặc tài liệu giảng dạy không được phê chuẩn hay không.

Năm tháng mà dữ liệu được thu thập: _____

| Phần Chính Trong Chương Trình Học | Sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy/năm phê chuẩn | Từ đợt phê chuẩn mới đây nhất? | Số phần trăm học sinh không có sách giáo khoa riêng |
|--|--|--------------------------------|---|
| Tập Đọc/Văn Khoa | Yes | N/A | 0% |
| Toán | Yes | N/A | 0% |
| Khoa Học | Yes | N/A | 0% |
| Lịch Sử-Khoa Học Xã Hội | Yes | N/A | 0% |
| Ngoại Ngữ | Yes | N/A | 0% |
| Sức Khỏe | Yes | N/A | 0% |
| Nghệ Thuật Hình Ảnh và Trình Diễn | Yes | N/A | 0% |
| Dụng Cụ Trong Phòng Thí Nghiệm Khoa Học (lớp 9 tới 12) | Yes | N/A | 0% |

VIII. Tình Hình Tài Chánh của Trường

Chi Phí cho Mỗi Học Sinh và Mức Lương của Giáo Viên Trường (Năm Tài Khóa 2009-10)

| Cấp | Tổng Chi Phí Trên Mỗi Học Sinh | Chi Phí Trên Mỗi Học Sinh (Phụ Trội/Giới Hạn) | Chi Phí Trên Mỗi Học Sinh (Cơ Bản/Không Giới Hạn) | Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên |
|--------------------------------------|--------------------------------|---|---|------------------------------------|
| Trường | 7,582 | \$2020 | \$5562 | 61536 |
| Khu Học Chánh | | | \$5,488 | \$65,984 |
| Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm - | | | 1% | -7% |

| | | | |
|---|--|----|------------------|
| Trường và Khu Học Chánh | | | |
| Tiểu Bang | | | \$5,455 \$69,419 |
| Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm – Trường và Tiểu Bang | | 1% | -14% |

Ghi chú: Các ô màu đen không cần dữ liệu.

Chi phí **bổ sung/hạn chế** xuất phát từ ngân khoản mà việc sử dụng được kiểm soát theo quy định của pháp luật hoặc bởi một nhà tài trợ. Ngân khoản do khu học chánh hoặc hội đồng điều hành dành cho các mục đích cụ thể không được coi là hạn chế. Chi phí **căn bản/không hạn chế** lấy từ ngân khoản mà việc sử dụng không được kiểm soát theo quy định của pháp luật hoặc bởi một nhà tài trợ, trừ khi theo các tiêu chuẩn hướng dẫn tổng quát.

Muốn có thông tin chi tiết về các khoản chi phí của trường cho tất cả các khu học chánh trong California, xem trang Mạng Điện Toán về Chi Phí Giáo Dục Hiện Nay và cho Mỗi Học Sinh của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/ec/>. Muốn có thông tin về tiền lương giáo viên tại tất cả các khu học chánh trong California, xem trang Mạng Điện Toán về Lương Bổng và Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>. Muốn tìm hiểu chi phí và tiền lương cho một khu học chánh cụ thể, xem trang Mạng Điện Toán Ed-Data tại: <http://www.ed-data.org>.

Các Dạng Dịch Vụ Được Tài Trợ (Tài Khóa 2010-11)

| |
|--|
| <p>Trường tiểu học McCollam cung cấp các dịch vụ/hoạt động thông thường sau để giúp các học sinh học lực kém đạt tiêu chuẩn của tiểu bang.</p> <p>Sẽ mở các lớp can thiệp vào ngày Thứ Bảy và trước/sau giờ học cho học sinh có nguy cơ đạt điểm dưới mức thành thạo trong lãnh vực đọc</p> <p>Huấn luyện giáo viên về các phương pháp giảng dạy khác nhau trong các lãnh vực đọc và toán</p> <p>Giáo viên giảng dạy trong lớp luôn cung cấp các phương pháp và chiến lược giảng dạy tốt nhất hầu đáp ứng đầy đủ nhất nhu cầu của học sinh xếp hạng dưới 40 phần trăm khung điểm</p> <p>Giáo viên đã thực thi chương trình huấn luyện và hướng dẫn học viết Step-Up-To-Writing do Học khu cung cấp</p> <p>Chương trình dạy đọc Accelerated Reader được thực hiện từ lớp 1 đến lớp 5</p> <p>Máy đánh chữ kỹ thuật số AlphaSmarts được sử dụng từ lớp 3 đến lớp 5</p> <p>Các giáo viên giảng dạy trong lớp tổ chức họp với nhau để phân tích và đánh giá dữ liệu về học sinh nhằm xác định học sinh đang theo học Anh ngữ có đạt mục tiêu hằng năm hay không (căn cứ theo thời gian học tập trong chương trình ngôn ngữ của học khu)</p> |
|--|

Lương Giáo Viên và Lương Nhân Viên Hành Chánh (Tài Khóa 2009-10)

| Hạng Mục | Số Tiền của | Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành cho |
|----------|-------------|---------------------------------------|
|----------|-------------|---------------------------------------|

| | Khu Học Chánh | Các Khu Học Chánh Trong Cùng Một Hạng Mục |
|---|---------------|---|
| Lương Khởi Điểm của Giáo Viên | \$46,567 | \$41,692 |
| Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên | \$72,497 | \$68,251 |
| Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên | \$84,619 | \$86,582 |
| Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học) | \$97,379 | \$108,334 |
| Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở) | \$112,730 | \$111,791 |
| Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học) | \$0 | \$113,648 |
| Mức Lương của Giám Đốc Học Khu | \$198,000 | \$180,492 |
| Số Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên | 44.00% | 42.00% |
| Số Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương cho Nhân Viên Hành Chánh | 7.00% | 6.00% |

Muốn có thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Mạng Điện Toán về Lương Bổng và Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

IX. Kết Quả Học Tập của Học Sinh

Chương Trình Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn của California

Chương Trình Báo Cáo và Khảo Thí Được Tiêu Chuẩn Hóa (STAR) bao gồm nhiều phần chính, gồm có:

- **Kỳ Thi Tiêu Chuẩn của Tiểu Bang California (CST)**, bao gồm Anh ngữ-văn khoa (ELA) và toán cho các lớp từ hai tới mười một; khoa học cho các lớp năm, tám và chín cho tới mười một; và lịch sử-khoa học xã hội cho các lớp tám và chín cho tới mười một.
- **Thẩm Định Tu Chính của California (CMA)**, một cuộc thẩm định thay thế dựa trên tiêu chuẩn thành tích thay đổi trong ELA cho các lớp từ ba đến mười một, toán học cho các lớp từ ba đến bảy, Đại số I, và Hình học; và khoa học tại các lớp năm và tám, và Khoa học Đời sống trong lớp mười. CMA được thiết kế để đánh giá những học sinh có tình trạng khuyết tật khiến các em không thể đạt được mức độ thành thạo theo cấp lớp trong kỳ thẩm định các tiêu chuẩn nội dung môn học của tiểu bang California, cho dù có hoặc không có các phương tiện trợ giúp đặc biệt.
- **Thẩm Định Kết Quả Hoạt Động Thay Thế Khác của California (CAPA)**, bao gồm ELA và toán trong các lớp từ hai tới mười một, và khoa học cho các lớp năm, tám và mười. CAPA dành cho các học sinh có tình trạng khuyết tật về nhận thức nghiêm trọng, là những em có tình trạng

khuyết tật khiến các em không thể dự các kỳ thi CST với phương tiện trợ giúp đặc biệt hoặc điều chỉnh, hoặc CMA với phương tiện trợ giúp đặc biệt.

Các cuộc thăm định theo Chương trình STAR cho thấy học sinh học hành như thế nào so với các tiêu chuẩn nội dung của tiểu bang. Trong mỗi kỳ thăm định này, điểm của học sinh được báo cáo dưới dạng trình độ học tập.

Muốn có thông tin chi tiết về kết quả Chương Trình STAR cho mỗi cấp lớp và trình độ học tập, trong đó bao gồm cả số phần trăm học sinh không dự thi, xem trang mạng điện toán về Kết Quả STAR của CDE tại <http://star.cde.ca.gov>.

Kết Quả Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn cho Tất Cả Các Học Sinh - So Sánh Ba Năm

| Môn Học | Số Phần Trăm Học Sinh Đạt Được Điểm ở Mức Thông Thạo hoặc Xuất Sắc (Đáp ứng hoặc vượt quá các tiêu chuẩn của tiểu bang) | | | | | | | | |
|--------------------|---|---------|---------|---------------|---------|---------|-----------|---------|---------|
| | Trường | | | Khu Học Chánh | | | Tiểu Bang | | |
| | 2008-09 | 2009-10 | 2010-11 | 2008-09 | 2009-10 | 2010-11 | 2008-09 | 2009-10 | 2010-11 |
| Văn Khoa Anh Ngữ | 52% | 68% | 65% | 38% | 42% | 48% | 49% | 52% | 54% |
| Toán | 63% | 78% | 76% | 47% | 51% | 57% | 46% | 48% | 50% |
| Khoa Học | 48% | 67% | 66% | 40% | 44% | 53% | 50% | 54% | 57% |
| Lịch Sử Xã Hội Học | 0% | 0% | 0% | 33% | 36% | 46% | 41% | 44% | 48% |

Ghi chú: Không cho thấy điểm số khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê, hoặc để bảo vệ cho quyền riêng tư của học sinh.

Kết Quả Thi và Báo Cáo Tiêu Chuẩn theo Nhóm Học Sinh – Năm Gần Đây Nhất

| Nhóm | Số Phần Trăm Học Sinh Đạt Được Điểm ở Mức Thông Thạo hoặc Xuất Sắc | | | |
|------------------------------|--|------|----------|--------------------------|
| | Anh Ngữ- Văn Khoa | Toán | Khoa Học | Lịch Sử- Khoa Học Xã Hội |
| Tất Cả Các Học Sinh tại LEA | 48% | 57% | 53% | 46% |
| Tất Cả Các Học Sinh ở Trường | 65% | 76% | 66% | 0% |
| Nam | 60% | 73% | 71% | 0% |

| | | | | |
|--|-----|-----|-----|----|
| Nữ | 72% | 81% | 59% | 0% |
| Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi Châu | 0% | 0% | 0% | 0% |
| Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska | | | | |
| Người Á châu | 77% | 91% | 62% | 0% |
| Người Phi luật tân | 73% | 90% | 0% | 0% |
| Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh | 57% | 64% | 64% | 0% |
| Thổ Dân Hawaiian/Người Đảo Thái Bình Dương | 0% | 0% | 0% | 0% |
| Người da trắng | 68% | 95% | 0% | 0% |
| Hai Sắc Tộc hoặc Hơn | 0% | 0% | 0% | 0% |
| Có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn | 65% | 76% | 66% | 0% |
| Các Học Viên Anh Ngữ | 53% | 68% | 24% | 0% |
| Học Sinh Bị Khuyết Tật | 31% | 41% | 0% | 0% |
| Những Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân | 0% | 0% | 0% | 0% |

Ghi chú: Không cho thấy điểm số khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê, hoặc để bảo vệ cho quyền riêng tư của học sinh.

Kỳ Thi Tốt Nghiệp Trung Học California

Kỳ Thi Ra Trường Cấp Trung Học California (CAHSEE) chủ yếu sử dụng dưới dạng yêu cầu tốt nghiệp. Tuy nhiên, kết quả lớp mười của kỳ thi này cũng được sử dụng để xác định số phần trăm học sinh ở ba cấp trình độ thông thạo (không thông thạo, thông thạo, hoặc giỏi) trong môn ELA và toán để tính toán sắp xếp các mức AYP theo đòi hỏi của luật liên bang ESEA, còn gọi là NCLB.

Muốn có thông tin chi tiết về các kết quả CAHSEE, xem trang mạng điện toán CAHSEE của CDE tại <http://cahsee.cde.ca.gov/>.

Kết Quả Thi Ra Trường Cấp Trung Học California dành cho Tất Cả Các Học Sinh Lớp Mười - So Sánh Ba Năm (nếu thích hợp)

| Môn Học | Số Phần Trăm Học Sinh Đạt Được Điểm ở Mức Thông Thạo hoặc Xuất Sắc | | | | | | | | |
|---------|--|-------|-------|---------------|-------|-------|-----------|-------|-------|
| | Trường | | | Khu Học Chánh | | | Tiểu Bang | | |
| | 2008- | 2009- | 2010- | 2008- | 2009- | 2010- | 2008- | 2009- | 2010- |

| | 09 | 10 | 11 | 09 | 10 | 11 | 09 | 10 | 11 |
|---------------------------|----|----|----|----|----|----|-----|-----|-----|
| Anh Ngữ - Văn Khoa | | | | | | | 52% | 54% | 59% |
| Toán | | | | | | | 53% | 54% | 56% |

Ghi chú: Không cho thấy điểm số khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê, hoặc để bảo vệ cho quyền riêng tư của học sinh.

Kết Quả Thi Ra Trường Cấp Trung Học Lớp Mười của Tiểu Bang California theo Nhóm Học Sinh - Năm Gần Đây Nhất (nếu thích hợp)

| Nhóm | Anh Ngữ - Văn Khoa | | | Toán | | |
|---|---------------------------|-------------------|-----------------|-------------------------|-------------------|-----------------|
| | Không Thành Thạo | Thành Thạo | Xuất Sắc | Không Thành Thạo | Thành Thạo | Xuất Sắc |
| Tất Cả Các Học Sinh tại LEA | | | | | | |
| Tất Cả Các Học Sinh ở Trường | | | | | | |
| Nam | | | | | | |
| Nữ | | | | | | |
| Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi Châu | | | | | | |
| Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska | | | | | | |
| Người Á châu | | | | | | |
| Người Phi luật tân | | | | | | |
| Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh | | | | | | |
| Thổ Dân Hawaiian/Người Đảo Thái Bình Dương | | | | | | |
| Người da trắng | | | | | | |
| Hai Sắc Tộc hoặc Hơn | | | | | | |
| Có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn | | | | | | |
| Các Học Viên Anh Ngữ | | | | | | |
| Học Sinh Bị Khuyết Tật | | | | | | |

Những Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân

Ghi chú: Không cho thấy điểm số khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê, hoặc để bảo vệ cho quyền riêng tư của học sinh.

Kết Quả Kỳ Thi Thể Dục California (Niên Khóa 2010-11)

Kỳ Thi Thể Dục California (PFT) chỉ dành cho các học sinh lớp năm, bảy, và chín. Bảng này cho biết số phần trăm học sinh đạt được các tiêu chuẩn sức khỏe tính theo cấp lớp trong kỳ kiểm tra gần đây nhất. Muốn có thông tin chi tiết về kỳ thi này và thông tin so sánh kết quả thi của trường với cấp học chánh và tiểu bang, xem trang Mạng Điện Toán PFT của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ta/tg/pf/>.

| Cấp Lớp | Phần Trăm Học Sinh Đạt Tiêu Chuẩn Sức Khỏe Tốt | | |
|---------|--|--------------------------|--------------------------|
| | Bốn trong Sáu Tiêu Chuẩn | Năm trong Sáu Tiêu Chuẩn | Sáu trong Sáu Tiêu Chuẩn |
| 5 | 22.40% | 20.40% | 30.60% |
| 7 | 0.00% | 0.00% | 0.00% |
| 9 | 0.00% | 0.00% | 0.00% |

Ghi chú: Không cho thấy điểm số khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê, hoặc để bảo vệ cho quyền riêng tư của học sinh.

X. Trách Nhiệm

Chỉ Số Kết Quả Học Tập

Chỉ Số Kết Quả Học Tập (Academic Performance Index - API) là phương pháp đánh giá hàng năm về kết quả học tập tại tiểu bang và tiến bộ của các trường tại California. Điểm API nằm ở mức 200 tới 1,000, với mức mục tiêu trên toàn tiểu bang là 800. Muốn có thông tin chi tiết về API, xem trang Mạng Điện Toán API của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/ap/>.

Mức Xếp Hạng Chỉ Số Thành Tích Học Vấn – So Sánh Ba Năm

Bảng này trình bày về các mức xếp hạng API trên toàn tiểu bang của trường đó và các trường tương tự. **Mức xếp hạng API toàn tiểu bang** nằm trong khoảng từ 1 tới 10. Mức xếp hạng 1 có nghĩa là trường nằm trong mười phần trăm số trường có điểm API thấp nhất trong tiểu bang, còn mức xếp hạng 10 có nghĩa là trường nằm trong mười phần trăm số trường có điểm API cao nhất tiểu bang.

Mức xếp hạng API của các trường tương tự phản ánh sự so sánh của một trường với 100 "trường tương tự" giống nhau về mặt thống kê. Mức xếp hạng 1 của các trường tương tự có nghĩa là kết quả học tập của trường đó tương ứng với mười trường có kết quả thấp nhất trong số 100 trường tương tự, còn mức thứ hạng 10 của các trường tương tự có nghĩa là kết quả học tập của trường đó cao hơn ít nhất 90 trong số 100 trường tương tự.

| Mức Xếp Hạng API | 2008 | 2009 | 2010 |
|---------------------|------|------|------|
| Trên Toàn Tiểu Bang | 5 | 6 | 8 |
| Các Trường Tương Tự | 5 | 7 | 10 |

Sự Gia Tăng về Chỉ Số Thành Tích Học Vấn Theo Nhóm Học Sinh – So Sánh Ba Năm

| Nhóm Học Sinh | Thay Đổi API Thực Thụ 2008-09 | Thay Đổi API Thực Thụ 2009-10 | Thay Đổi API Thực Thụ 2010-11 |
|--|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tất Cả Học Sinh trong Trường | 41 | 49 | 8 |
| Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi Châu | | | |
| Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska | | | |
| Người Á châu | 32 | 78 | -14 |
| Người Phi luật tân | | | |
| Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh | 48 | 48 | -2 |
| Thổ Dân Hawaiian/Người Đảo Thái Bình Dương | | | |
| Người da trắng | | | |
| Hai Sắc Tộc hoặc Hơn | N/D | | |
| Hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn | 32 | 51 | 22 |
| Những Người Học Tiếng Anh | 31 | 63 | 0 |
| Học Sinh Khuyết Tật | | | |

Ghi chú: "N/A" (không áp dụng) có nghĩa là không có sẵn một thay đổi API thực tế. "N/D" có nghĩa là không có dữ liệu có sẵn để cho CDE hoặc LEA báo cáo. "B" có nghĩa là nhà trường đã không có API Căn Bản hợp lệ và không có thông tin về Tăng trưởng hoặc mục tiêu. "C" có nghĩa là nhà trường đã có những thay đổi đáng kể về nhân khẩu và không có thông tin về Tăng trưởng hoặc mục tiêu.

Mức Tăng Chỉ Số Kết Quả Học Tập theo Nhóm Học Sinh - So Sánh API Tăng Trưởng 2011

Bảng này trình bày, theo nhóm học sinh, con số học sinh được bao gồm trong API và API Tăng Trưởng 2011 ở cấp trường, LEA, và tiểu bang.

| Nhóm Học Sinh | API Tăng Trưởng Năm 2011 | | | | | |
|---|--------------------------|--------|-------------|-----|-------------|-----------|
| | Số Học Sinh | Trường | Số Học Sinh | LEA | Số Học Sinh | Tiểu Bang |
| Tất Cả Học Sinh trong Trường | 309 | 867 | 9,184 | 770 | 4,683,676 | 778 |
| Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi Châu | 5 | | 169 | 733 | 317,856 | 696 |
| Thổ Dân Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska | 0 | | 24 | 818 | 33,774 | 733 |
| Người Á châu | 94 | 924 | 1,033 | 879 | 398,869 | 898 |
| Người Phi luật tân | 29 | 913 | 532 | 856 | 123,245 | 859 |
| Người gốc Tây ban nha hoặc La tinh | 163 | 824 | 7,109 | 746 | 2,406,749 | 729 |
| Thổ Dân Hawaiian/Người Đảo Thái Bình Dương | 1 | | 77 | 791 | 26,953 | 764 |
| Người da trắng | 15 | 929 | 225 | 847 | 1,258,831 | 845 |
| Hai Sắc Tộc hoặc Hơn | 2 | | 11 | 728 | 76,766 | 836 |
| Hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn | 309 | 867 | 9,132 | 770 | 2,731,843 | 726 |
| Những Người Học Tiếng Anh | 198 | 860 | 6,090 | 744 | 1,521,844 | 707 |
| Học Sinh Khuyết Tật | 41 | 679 | 1,205 | 610 | 521,815 | 595 |

Tiến Bộ Hàng Năm Đạt Yêu Cầu

Luật ESEA liên bang quy định tất cả các trường và khu học chánh phải đạt các tiêu chí về Tiến Bộ Hàng Năm Đạt Yêu Cầu (AYP) sau đây:

- Tỷ lệ tham gia các kỳ thẩm định dựa trên chỉ tiêu tiểu bang trong môn văn khoa Anh ngữ (ELA) và toán
- Phần trăm học sinh đạt trình độ thông thạo trong các kỳ thẩm định dựa trên các chỉ tiêu của tiểu bang trong môn ELA và toán
- API là công cụ chỉ báo bổ sung
- Tỷ lệ tốt nghiệp (dành cho các trường trung học cơ sở)

Muốn có thông tin chi tiết về AYP, gồm cả tỷ lệ tham gia và số phần trăm đạt trình độ thông thạo theo nhóm học sinh, xem trang Mạng Điện Toán AYP của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/ay/>.

Sự Tiến Bộ Thích Hợp Hàng Năm Tổng Quát và theo Tiêu Chuẩn (Niên Học 2010-11)

| Chỉ tiêu AYP | Trường | Khu Học Chánh |
|---|--------|---------------|
| Đạt AYP Tổng Quát | Không | Không |
| Đáp ứng Tỷ Lệ Tham Gia - Văn Khoa Anh Ngữ | Có | Có |
| Đáp ứng Tỷ Lệ Tham Gia - Toán | Có | Có |
| Đáp ứng Mức Phần Trăm Thông Thạo - Văn Khoa Anh Ngữ | Không | Không |
| Đáp ứng Mức Phần Trăm Thông Thạo - Toán | Có | Không |
| Đáp ứng Tiêu Chuẩn API | Có | Có |
| Đáp ứng Tỷ Lệ Tốt Nghiệp | N/A | N/A |

Chương Trình Can Thiệp của Liên Bang (Niên Khóa 2011-12)

Các trường và khu học chánh được nhận ngân quỹ trợ cấp liên bang Tiêu Đề I sẽ vào diện cần Cải Tiến Chương Trình (PI) nếu họ không đạt AYP trong hai năm liên tiếp trong cùng một môn học (văn khoa Anh ngữ ELA hoặc toán) hoặc đối với cùng một yếu tố chỉ báo (API hoặc tỷ lệ tốt nghiệp). Sau khi vào diện PI, các trường và khu học chánh sẽ chuyển sang cấp độ can thiệp kế tiếp sau mỗi năm khi các trường không đạt AYP. Muốn có thông tin chi tiết về việc nhận biết tình trạng PI, xem trang Mạng điện toán Xác Định Tình Trạng PI của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/ay/tidetermine.asp>.

| Yếu Tố Chỉ Báo | Trường | Khu Học Chánh |
|--|--------|---------------|
| Tình Trạng Cải Tiến Chương Trình | | In PI |
| Năm Đầu Tiên Cải Tiến Chương Trình | | 2004-2005 |
| Năm Tham Gia Cải Tiến Chương Trình | | Year 3 |
| Số Trường Hiện Đang Tham Gia Cải Tiến Chương Trình | | 5 |
| Số Phần Trăm Trường Hiện Đang Tham Gia Cải Tiến Chương Trình | | 18.5% |

Ghi chú: Các ô màu đen không cần dữ liệu.

XI. Hoàn Tất Chương Trình Học và Chuẩn Bị Sau Trung Học

Các Yêu Cầu Để Được Nhận Vào Học Tại Các Trường Đại Học Công Lập California

University of California

Các yêu cầu về nhập học đối với University of California (UC) theo đúng các qui định hướng dẫn trong Kế Hoạch Chính. Kế hoạch này qui định một phần tám số học sinh tốt nghiệp trung học giỏi nhất của tiểu bang, cũng như các học sinh chuyển trường đã hoàn tất thành công khóa học đại học nhất định, sẽ hội đủ điều kiện được nhận vào trường UC. Các đòi hỏi này được thiết kế để đảm bảo là mọi học sinh hội đủ điều kiện phải chuẩn bị thích hợp cho bài vở trình độ Đại Học.

Để biết các điều kiện thu nhận tổng quát, xin viếng trang Mạng về Thông Tin Thu Nhận UC tại <http://www.universityofcalifornia.edu/admissions/>. (Nguồn Bên Ngoài)

California State University

Khả năng hội đủ điều kiện để được nhận vào học tại California State University (CSU) được quyết định bằng ba yếu tố:

- Các khóa học cụ thể của trung học
- Điểm số của các khóa học quy định và điểm thi
- Tốt nghiệp trung học

Một số trường có các tiêu chuẩn cao hơn cho các môn chính nhất định hoặc các học sinh nào sống bên ngoài khu vực trường địa phương. Vì con số học sinh làm đơn xin, một vài trường có các tiêu chuẩn cao hơn (tiêu chuẩn thu nhận bổ sung) cho tất cả các đương đơn. Đa số các trường CSU có các chính sách bảo đảm thu nhận tại địa phương cho các học sinh nào tốt nghiệp hoặc chuyển trường từ các trường trung học và đại học đã có quá trình được trường CSU phục vụ tại khu vực đó. Muốn có thông tin về tiêu chuẩn thu nhận, đơn từ, và lệ phí hãy xem trang Mạng CSU tại <http://www.calstate.edu/admission/admission.shtml>. (Nguồn Bên Ngoài)

Tỷ Lệ Bỏ Học Giữa Chừng và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp

| Yếu Tố Chi Báo | Trường | | | Khu Học Chánh | | | Tiểu Bang | | |
|---------------------------------|---------|---------|---------|---------------|---------|---------|-----------|---------|---------|
| | 2007-08 | 2008-09 | 2009-10 | 2007-08 | 2008-09 | 2009-10 | 2007-08 | 2008-09 | 2009-10 |
| Tỷ Lệ Bỏ Học Giữa Chừng (1 năm) | | | | 0.0 | 0.0 | 0.0 | 4.9 | 5.7 | 4.6 |
| Tỷ Lệ Tốt Nghiệp | | | | | | | 80.21 | 78.59 | 80.44 |

Ghi chú: Bảng này có tỷ lệ tốt nghiệp theo Trung Tâm Thống Kê Giáo Dục Toàn Quốc như được báo cáo trong AYP.

Chương Trình Học Kỹ Thuật Chuyên Nghiệp (Niên Khóa 2010-11)

| |
|-----|
| N/A |
|-----|

Các Khóa Học Nâng Cao (Niên Khóa 2010-11)

| Môn Học | Số Khóa Học Nâng Cao | Số Phần Trăm Học Sinh Tham Gia Các |
|---------|----------------------|------------------------------------|
|---------|----------------------|------------------------------------|

| | Được Cung Cấp | Khóa Học Nâng Cao |
|----------------------------------|---------------|-------------------|
| Khoa Học Điện Toán | | |
| Tiếng Anh | | |
| Mỹ Thuật và Nghệ Thuật Biểu Diễn | | |
| Ngoại Ngữ | | |
| Toán | | |
| Khoa Học | | |
| Khoa Học Xã Hội | | |
| Tất cả các khóa học | | |

Ghi chú: Các ô màu đen không cần dữ liệu.

XII. Lập Kế Hoạch và Lập Thời Khóa Biểu Giảng Dạy

Phát Triển Nghiệp Vụ

Mục này trình bày về số ngày học hàng năm dành cho việc phát triển nhân viên cho thời kỳ ba năm mới đây nhất.

2008-2009 = 0
 2009-2010 = 0
 2010-2011 = 0

Millard McCollam Elementary

School Accountability Report Card, 2010-2011

Alum Rock Union Elementary

Provided by the Ed-Data Partnership

For more information visit www.ed-data.org